



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Bùi Quang Hiếu

Vấn đề trong tháng

Không khí cuối trào tại Việt nam

Những ai từ hai năm qua vẫn cố tư thuyết phục là đã có dấu hiệu tiến bộ và đổi mới tại Việt Nam nếu thành thực với chính mình chắc chắn là phải vô cùng thất vọng.

Kết quả cụ thể nhất và rõ rệt nhất của ê kíp Nguyễn Văn Linh là nạn đói đầu năm 88 làm chết hàng trăm ngàn người và gây những tai hại trầm trọng chưa đo lường nổi cho tương lai đất nước.

Với những người lãnh đạo có đôi chút liêm sỉ, để xảy ra một nạn đói hồ nhục như vậy đã đủ để nhận tội, từ chức và tự xử một cách nghiêm khắc. Nhưng những người cầm đầu chế độ Hà Nội đã tỏ

ra là họ có lớp da mặt dày hơn những động vật vẫn được gọi một cách chung chung là người.

Họ vẫn ở đó và vẫn làm như không có chuyện gì quan trọng xảy ra, ngoại trừ một vài phản ứng mà động cơ chỉ nhỏ nhen như những quyền lợi cá nhân: Võ Văn Kiệt, người phải chịu phần trách nhiệm lớn nhất, cay cú vì mất chức thủ tướng mượn lời tự phê để đổ tội cho bộ chánh trị, trung ương đáng đổ tội một cách thô bỉ cho các tỉnh bộ, v...v...

Nhưng dù lì lợm và vô trách nhiệm tới đâu thì tội vẫn là tội, khi có quá nhiều người bị đói và bị chết, nhất là khi nạn đói chỉ là hậu quả tất nhiên của 13 năm quản trị bạo ngược và tội đồ. Cho nên sự phân hóa của Đảng Cộng Sản đã đạt tới một vận tốc mới. Sự chống đối của dân chúng lần này đi đôi với thái độ khinh mạn và còn được cả sự đồng tình của đại bộ phận đảng viên nên đã đạt tới một qui mô và một cường độ chưa từng có. Nhóm lãnh đạo chớp bu bị hoàn toàn cô lập và đang chứng kiến sự sụp đổ lừng lững đi tới.

Cường hào mọi cấp đang kinh hoàng trước viễn ảnh phải trả lời cáo trạng của cả một dân tộc. Không có sự kinh sợ nào so sánh được với sự kinh sợ của những con người tàn bạo vào lúc nhận ra mình sắp mất quyền lực. Chính sự kinh sợ đó đã làm tập đoàn cầm quyền Hà Nội chần động và mất trí. Và con thú dữ đã trở nên vô cùng hung hãn trong những vùng vẫy cuối cùng.

Tháng 8, một tổ chức bất bạo động, Mặt Trận Vì Trung Lập và Hạnh Phúc bị đem ra xử án. Ông Nguyễn Mạnh Bảo, người cầm đầu bị xử tù chung thân, 25 người khác bị án tù rất nặng.

Tháng 9, đến lượt Mặt Trận Dân Tộc Phục Quốc. Người cầm đầu là ông Trần Văn Lương bị tuyên án tử hình, 2 người khác bị tù chung

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

Không khí cuối trào tại Việt Nam

Thông Luận

3. Vì đất nước hôm nay và ngày mai:

Tự túc về lương thực

Lê Văn Đăng

7. Hoa dù muôn thuở

Đinh Vĩnh Phúc

8. Mạn đàm:

Nghĩ lẫn thân về chữ "mạn"

Trần Thanh Hiệp

10. Thời sự tin tức

15. Thư độc giả

16. Sổ tay

Ôn cố tri tân

Thụy Khuê

thân, những người còn lại chia nhau gần 500 năm tù.

Đến tháng 10, sự kinh tởm lại leo thêm một nấc thang khác. Hai tu sĩ Phật giáo Tuệ Sỹ và Trí Siêu bị kết án tử hình, 19 người khác bị phạt tù chỉ vì thành lập một tổ chức tranh đấu cho nhân quyền.

Trước những sự kiện thô bạo này, các "trí thức Việt kiều yêu nước" ở hải ngoại đã không hề có thái độ nào đáng gọi là có phẩm cách. Có những lúc mà sự im lặng cũng minh bạch không kém gì lời phát biểu.

Diễn chung của các vụ án này là tất cả đều đã được xử kín. Không ai biết các bị cáo đã làm những gì và đã bị luận tội ra sao, ai đã bào chữa cho họ và họ đã nói những gì. Tóm lại đây chỉ là một loại khủng bố bằng tòa án.

Diễn mới trong các vụ án này là những con người hiền lành và bất bạo động nhất, những tu sĩ, cũng bị kết án tử hình. Chính quyền Cộng Sản vừa chứng tỏ một sự hung bạo mới, những sự kiện này cũng đánh dấu cho một giai đoạn mới của cuộc đấu tranh cứu nước. Phương thức đấu tranh bất bạo động đã đạt tới một qui mô làm cho chế độ phải run sợ. Chúng ta vừa đi vào giai đoạn trong đó rõ ràng là nhân nghĩa chống lại hung tàn, lẽ phải đương đầu với bạo lực.

Cái gì đã xảy ra?

Chính sách cởi mở bịp bợm của nhóm Nguyễn Văn Linh đã thất bại, và ngay chính nhóm Nguyễn Văn Linh cũng đã tan rã: Phạm Hùng đã chết, Võ Văn Kiệt đã bị loại và ngay chính cá nhân Nguyễn Văn Linh trên thực tế cũng đã mất hết quyền lực. Trong khi đó không có phe nhóm nào đủ mạnh để nắm lấy trọn quyền lãnh đạo đảng và nhà nước. Cái gì đang ngự trị trong đảng là một tình trạng vô chủ quyền tuyệt đối. Trong cuộc ẩu đả hỗn độn này mà động cơ vừa là sự sợ hãi vừa là lòng tham, không ai dám để lộ những dấu hiệu có thể coi là mềm yếu. Tất cả đều muốn chứng tỏ là mình còn tin tưởng, còn quyết tâm, còn dám làm. Hậu quả tất nhiên là những hành động cuồng dại. Các vụ án vừa qua vì thế còn tệ hơn những tội ác: đó là sự điên loạn tập thể.

Đất nước ta vừa đi vào giai đoạn khủng bố cuối trào của một chế độ đang sụp đổ.

Phản ứng đầu tiên và tức khắc của chúng ta dĩ nhiên là sự phản nộ. Nhưng phản nộ không giải quyết được mọi vấn đề. Nhất là giữa lúc tình hình hỗn loạn hiện nay đòi hỏi chúng ta một sự bình tĩnh và sáng suốt tuyệt đối.

Sự hung ác của chế độ Cộng Sản hiện nay không giống như những sự hung ác mà chúng ta đã từng thấy trong quá khứ. Trước đây sự hung ác bắt nguồn từ niềm tin cuồng nhiệt vào thắng lợi sau cùng, ngày nay sự hung bạo do ở sự hoảng sợ mà ra.

Đảng Cộng Sản ngày nay chỉ còn một chỗ dựa tinh thần duy nhất là sự sợ hãi của các đảng viên về một tương lai đầy hiểm nghèo nếu đảng tan rã. Muốn đánh bại chính quyền Cộng Sản, phải đánh tan sự sợ hãi đó. Muốn như vậy ta cần phải có cái nhìn đúng đắn vào giai đoạn lịch sử đầy máu và nước mắt vừa qua.

Trong cuộc phân tranh khốc liệt đã diễn ra trước 1975, không có sự chọn lựa nào là hoàn toàn đúng, cũng không có sự chọn lựa nào là hoàn toàn sai cả. Thật ra rất ít ai trong chúng ta đã chọn lựa cái mà mình thích, chúng ta chỉ chọn lựa chống lại cái mà mình cho là xấu hơn.

Những người nhìn thấy sự độc hại quá lớn của chế độ Cộng Sản đã chọn hàng ngũ Việt Nam Cộng Hòa mặc dầu cũng ghê tởm sự thối nát của nó. Ngược lại những người không chịu nổi những thối nát của phe quốc gia đã ngã theo Cộng Sản mặc dầu cũng biết sự bạo ngược và tội đồ của nó. Cho nên ngoài những đồ vỡ vật chất do chiến cuộc còn có một sự đổ vỡ khác lớn hơn trong lòng mỗi con người Việt Nam. Anh em ruột thịt, bạn bè thân thích đã chỉ vì một sự lượng định tình thế nặng nhẹ khác nhau mà phải quay lưng lại với nhau, thóa mạ nhau, bắn giết lẫn nhau. Tất cả chúng ta đã chỉ là nạn nhân của các thế lực quốc tế và của những bè lũ buôn bán chiêu bài. Vì thế tất cả chúng ta đều có lỗi với nhau và có rất nhiều điều để tha thứ cho nhau. Nhìn lại anh em, nhận lại bạn bè là bí quyết để đánh bại bạo lực và lòng tham và để cùng nhau xây dựng lại đất nước.

Bọn cường hào Hà Nội chỉ sống được nhờ thù hận. Muốn đánh bại bạo quyền Hà Nội trước hết phải đánh tan sự thù hận do một giai đoạn lịch sử đáng buồn để lại.

Sự phản nộ của chúng ta trước những vụ án thô bạo này là tự nhiên và chính đáng. Nhưng chúng ta sẽ phạm vào một sai lầm chiến lược rất lớn nếu chúng ta để cho sự phản nộ đó mang thêm một âm điệu nghe giống như một sự căm thù với mọi người cộng sản. Nhóm lãnh đạo chớp bu Hà Nội chỉ đợi có thế.

Chúng ta cần phải nói với nhau một cách rõ ràng và minh bạch rằng không có ai phải lo sợ vì viễn ảnh sụp đổ của chính quyền cộng sản cả. Sẽ không có ai phải xin lỗi ai và cũng không có ai có thẩm quyền nào để xét xử ai. Trước lịch sử chúng ta đều có trách nhiệm như nhau, và trách nhiệm chúng ta càng nặng nề nếu chúng ta càng để cho tấn thâm kích hiện nay kéo dài.

Không có ai có lý do gì để lo sợ đến nỗi phải tiếp tay với tội ác. Tội ác nào cũng đáng lên án cả. Nhưng những tội ác vô ích vào giờ chót của một chế độ hấp hối còn có thêm một cái gì bi đát như một sự tuyệt vọng của kẻ điên dại.

Thông Luận

TỰ TỨC VỀ LƯƠNG THỰC

Lê Văn Đăng

Việt Nam vốn là một nước truyền thống nông nghiệp. Những hoạt động kinh tế trên các lĩnh vực khác như công kỹ nghệ hoặc dịch vụ chỉ mới bắt đầu phát triển khi đất nước tiếp xúc, giao dịch với các xứ Âu Tây và cũng chưa bao giờ thu hút quá 1/4 sức lao động trong nước. Suốt trong thời kỳ Pháp thuộc, mặc dầu bị khai thác và bóc lột, nhân dân Việt Nam chưa bao giờ bị chết đói. Không những thế Việt Nam còn là một trong những nước xuất cảng gạo. Đói kém đã chỉ bắt đầu trong thế chiến thứ hai và tiếp tục như là hậu quả của cuộc cách mạng vô sản. Cuộc cách mạng vô sản đã được đảng Cộng Sản khởi xướng và thực hiện ngay trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất ở những vùng mà lực lượng Việt Minh chiếm được. Cuộc cách mạng vô sản nông nghiệp đã được tiến hành qua nhiều giai đoạn ở miền Bắc nhưng những kết quả bi đát đã không được thấy rõ vì chiến cuộc và cũng nhờ vào các nguồn viện trợ của khối Xô Viết.

Kể từ 1975, đảng Cộng Sản Việt Nam đã có cơ hội để thực hiện cuộc cách mạng vô sản trên cả nước và đưa đến kết quả bi thảm là nạn chết đói mùa xuân 1988. Vào thời đại mà Hoa Kỳ và các nước Tây Âu phải dồn nhiều nỗ lực để giải quyết nạn thặng dư thực phẩm bằng các biện pháp hạn chế và đôi khi chế tài sản xuất, chết đói là một điều hổ nhục không thể tưởng tượng nổi. Nhưng đó chính là kết quả của chính sách nông nghiệp của đảng Cộng Sản.

Những số liệu của các cơ quan quốc tế như FAO và FMI cho biết mức thiếu hụt thực phẩm của Việt Nam đã lên tới một triệu tấn, tương đương với 1/3 số lượng gạo trao đổi trên thị trường Đông Nam Á hay 10% tổng lượng xuất cảng gạo của thế giới. Việt Nam cần tới thiếu khoảng 18 triệu tấn thực phẩm mỗi năm nhưng mức sản xuất trong xứ không thể vượt nổi 17 triệu tấn. Riêng năm 1987, mức sản xuất chỉ vào khoảng 16 triệu tấn theo chính các thống kê của Hà Nội. Để bảo đảm mức sản xuất bình thường, Việt Nam cần khoảng 650 ngàn tấn phân bón và một số lượng đáng kể thuốc sát trùng. Nhưng nhà nước cộng sản không còn ngoại tệ để nhập cảng qua thị trường tự do và khối cộng sản cũng không thể hoặc không muốn bán chịu cho Việt Nam nữa.

Nhân dân miền Bắc đã ăn đói từ nhiều năm và nạn thiếu dinh dưỡng đã trở thành một chuyện bình thường. Trước nạn đói mùa xuân 88, chính quyền cộng sản chỉ biết đổ lỗi cho thời tiết và những sai lầm cục bộ về mặt tổ chức của các địa phương chứ không hề ý thức được rằng cần phải thay đổi toàn bộ đường lối chính trị mới có thể cho phép đất nước tự túc được về mặt lương thực.

Thực trạng bi đát hiện nay đặt ra nhiều câu hỏi cần được giải đáp để giúp ta tự túc về thực phẩm, điều kiện đầu tiên để đi vào con đường phát triển.

I - Những thất bại của cộng sản về nông nghiệp

Chính quyền cộng sản đã thất bại về nông nghiệp vì đã áp dụng một cách giáo điều và cuồng tín lý thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin. Noi theo kinh nghiệm của cách mạng vô sản Nga, đảng Cộng Sản Việt Nam ngay từ lúc còn mang tên là đảng Lao Động đã đặt trọng tâm vào mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn lãnh thổ bằng cách tiêu diệt giai cấp địa chủ được coi là nguyên nhân của tất cả mọi đau khổ của nông dân. Không biết bao nhiêu lần chúng ta đã từng được nghe hài tội giai cấp địa chủ chỉ có 5% dân số mà chiếm hữu 65% diện tích đất đai trong khi giai cấp nông dân thực sự chỉ có 10% ruộng đất (phần còn lại là công điền và sở hữu của các giáo hội). Chiêu bài mị dân này không ít thì nhiều đã được sự hưởng ứng của giai cấp bán cố nông và đã đóng góp phần quyết định vào thắng lợi của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Giai đoạn quyết liệt của chính sách cải cách ruộng đất, đã diễn ra trong khoảng thời gian 1950-1956 với cao điểm là việc đấu tố sau hiệp định Genève. Những tòa án nhân dân dưới sự chỉ huy của các đội đặc trách chương trình cải cách ruộng đất, đã là một sự phối hợp hãi hùng của bạo lực và man rợ. Cán bộ mọi cấp thi đua lập công bằng tội ác theo đúng khuôn mẫu công lý xã hội chủ nghĩa kiểu Staline. Không khí khủng bố đã khiến nông dân không dám sản xuất nhiều vì lo sợ bị đấu tố nếu thu hoạch nhiều hơn mức trung bình. Đảng Cộng Sản, một mặt đã phủ nhận hoàn

⇒ Tư tưởng về thực phẩm.

toàn vai trò quản lý nông nghiệp của lớp địa chủ mà họ đã tiêu diệt thắng tay, một mặt biến sự nghèo khổ thành một giá trị thay vì một tình trạng đáng buồn cần phải chấm dứt.

Giai đoạn thứ hai được áp dụng sau đó dưới danh từ hợp tác hóa nông nghiệp mà đặc tính là việc quốc hữu hóa tất cả mọi phương tiện sản xuất đúng theo bài bản Mác-Lênin.

Nông dân được "khuyến khích" gia nhập các hợp tác xã. Khuyến khích đồng nghĩa với bắt buộc bởi vì không có chọn lựa nào khác. Họ trở thành những người làm công cho nhà nước qua hợp tác xã và được tính điểm theo số giờ hiện diện. Đại diện của đảng ở các cấp có quyền kiểm soát tuyệt đối trên nông dân bởi vì chính họ đặt ra thời biểu lao động, chấm công cho từng hộ, phân phối mọi nguồn nhân lực, chia lợi tức và cấp phát mọi nhu yếu phẩm. Cuối năm 1970, đảng Cộng Sản tuyên bố đã hoàn tất được chương trình hợp tác hóa nông nghiệp tại miền Bắc. Sau chiến thắng 1975, họ lại áp đặt toàn bộ khuôn mẫu này lên miền Nam. Đến đây chúng ta phải dừng lại để nhận thức mức độ vô ý thức kinh khủng của đảng Cộng Sản. Sự áp đặt chính sách tập thể hóa nông nghiệp tại miền Bắc còn có thể coi là một sai lầm do đầu óc giáo điều mà ra, nhưng 20 năm sau mà vẫn không nhìn thấy sự thất bại của chính sách này và còn đem áp đặt nó lên một miền Nam trù phú hơn hẳn thì quả là một thách đố với trí tuệ của loài người. Cũng nên nhắc lại rằng người phát động và chỉ huy chính sách tập thể hóa nông nghiệp tại miền Nam không ai khác hơn là Võ Chí Công, đã bị mất chức bộ trưởng nông nghiệp sau khi chính sách tập thể hóa gây sự phẫn nộ lớn trong nông dân miền Nam và đưa tới một tình trạng thiếu lương thực trầm trọng vào năm 1978. Nhưng sau đó ông Công lại tiếp tục leo lên những địa vị cao hơn trong đảng và nhà nước và hiện nay trở thành chủ tịch nước. Sự nghiệp của ông Công cũng tựa tựa như sự nghiệp của Trường Chinh. Trường Chinh cũng đã mất chức tổng bí thư đảng sau những tội ác của chiến dịch đấu tố, rồi lại được phục hồi, cuối cùng cũng trở thành chủ tịch nhà nước. Trường hợp của Trường Chinh cũng như Võ Chí Công chứng minh một cách hùng hồn rằng những biện pháp gọi là sửa sai của đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là những trò phù phiếm nhằm xoa dịu sự thịnh nộ của quần chúng. Đảng Cộng Sản Việt Nam thực chất vẫn trước sau như một, nghĩa là vẫn dấn chân trong mô thức nông nghiệp lỗi thời đã phá sản tại Liên Xô. Không những thế đảng Cộng Sản còn lộ bịch hóa sai lầm cơ bản của mọi chế độ cộng sản là tin rằng sự ép buộc tự nó đủ để làm chạy guồng máy kinh tế. Chính sách tập thể hóa nông nghiệp đã thất bại tại

mọi nơi trên thế giới nhưng tại Việt Nam nó còn tệ thảm hơn bởi vì gặp phải sức kháng cự của một dân tộc đã thấm nhuần với tự do cá nhân. Từ ngàn xưa, dân Việt Nam vốn đã có tập quán không thích chính sách tập trung (phép vua thua lệ làng), miền Nam lại còn trải qua một giai đoạn khá dài dưới một chế độ dù thôi nát tới đâu nhưng về cơ bản cũng vẫn là một thể chế dân chủ.

Muốn gia tăng sản xuất trong bất cứ địa hạt nào, động cơ chính vẫn là lợi nhuận cá nhân. Nhưng nếu có được một số địa hạt mà chính sách tập thể hóa nhất định thất bại thì đó chính là chán nuôi và trồng trọt bởi vì trừ khi đạt tới một mức độ tự động hóa rất cao, cây trồng và súc vật đòi hỏi một chăm sóc đặc biệt mà chỉ có những người sở hữu chủ mới có thể có được.

Về mặt tổ chức, sản xuất nông nghiệp đã đổ vỡ vì sự hiện diện của vô số cơ quan và chức sắc không sản xuất với tác phong quan liêu bàn giấy. Dù cần mẫn và siêng năng tới đâu người nông dân cũng dần dần bị tẻ liệt vì chán nản và bất mãn.

Một yếu tố khác giải nghĩa sự sụp đổ chính sách nông nghiệp của cộng sản là chính sách thuế khóa có một không hai trên thế giới. Theo những tài liệu mới đây của chính đảng Cộng Sản, lợi tức cuối cùng của người nông dân chỉ ở mức 17-20% tổng số sản xuất, hơn 80% phải đóng cho nhà nước qua vô số thuế má: thuế nông nghiệp, thuế đầm phụ, thuế nghĩa thương, rồi những loại thuế khác qua những danh từ hoa mỹ như nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ xã hội v.v... Cuối cùng, mỗi người lao động hạng A chỉ còn được 15 ký gạo mỗi tháng. Lao động hạng B và trẻ em còn ít hơn. Chính quyền cộng sản nhìn nhận rằng trước năm 1959 nông dân miền Bắc phải ăn độn 20%. Hiện nay thì tỷ lệ ăn độn đã đạt tới 60%. Các lý thuyết gia vĩ đại của đảng Cộng Sản đã giải quyết vấn đề bằng một sáng kiến vô cùng độc đáo là thay đổi từ ngữ "ăn độn" thành "ăn trộn" hoặc, lộ bịch hơn, "đem mẫu vào cơ cấu bữa ăn".

Trên thế giới hiện nay, không có một nước nào có một chính sách thuế khóa độc địa như vậy. Tại các nước tân tiến, Hoa Kỳ và Tây Âu, mức thuế nông nghiệp không bao giờ quá 15%. Hơn thế nữa trong nhiều trường hợp nhà nông còn được hưởng nhiều khoản trợ cấp.

Một sai lầm kỹ thuật khác của đảng Cộng Sản là coi thường cơ cấu của thị trường nói chung và nông phẩm nói riêng. Tự nó thực phẩm đã có những đặc tính khác với các sản phẩm công kỹ nghệ hay dịch vụ. Nông phẩm không thể tồn trữ lâu được và sản lượng cũng thay đổi tùy theo mùa khiến giá cả rất khó ổn định. Muốn điều hòa thị trường nông phẩm, bảo đảm lợi tức cho nông dân và ổn định mức sản xuất, nhà nước phải có đủ phương tiện tài chánh, tồn trữ, chuyên chở v.v... Do đó mà ở một nước thiếu mỡ mang như Việt

Nam phải động viên cho bằng được sự tham gia của toàn dân vào cố gắng chuyên chở và phân phối. Phương pháp duy nhất để đạt mục tiêu này là để cho hàng hóa lưu thông tự do và để cho giá cả biến thiên theo giá thị trường. Dĩ nhiên là nhà nước có vai trò điều hòa giá cả nhưng bằng cách khuyến khích và nâng đỡ chứ không thể bằng cưỡng chế. Về điểm này chính quyền cộng sản đã làm trái ngược hẳn với những gì phải làm.

Một nguyên do đưa tới năng suất thấp là phương thức đánh giá sức lao động qua cách tính công điểm của chính quyền cộng sản. Mỗi công việc đều được cho một số điểm: gieo mạ 29 điểm, tát nước 50 điểm, v.v... Như vậy là trên thực tế đảng Cộng Sản đã biến nông dân thành những tá điền của đảng trong khi đảng Cộng Sản Việt Nam với hai triệu đảng viên đã biến thành một giai cấp địa chủ mới trong cùng một tỷ lệ với giai cấp địa chủ mà họ đã tiêu diệt. Để trả đũa lại, nông dân đã sử dụng vũ khí duy nhất trong tầm tay là bất hợp tác.

Kết quả là chúng ta rơi vào cái vòng lẩn quẩn, bất hợp tác đưa tới sản lượng kém, sản lượng kém đưa tới thiếu dinh dưỡng, thiếu dinh dưỡng thì thiếu khả năng sản xuất.

II - Phải có biện pháp gì để giải quyết tự túc lương thực?

Tự túc lương thực là điều kiện tiên quyết của mọi chính sách phát triển. Sử dụng lương thực như một phương tiện để ép buộc quần chúng phải khuất phục như đảng Cộng Sản đã làm và vẫn đang làm là bóp chết mọi hy vọng phát triển. Trong thế giới tiến bộ ngày nay chính sách bóp chết bao tử này nguy hiểm cho chính những kẻ sử dụng nó. Không còn một chính quyền nào có thể tự duy trì thuần túy bằng bạo lực và bằng cưỡng chế. Ban lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam đang ngồi trên một thùng thuốc nổ. Không ai có thể tiên đoán cái gì sẽ xảy ra trong một xã hội có quá ít thực phẩm mà lại có quá nhiều súng đạn. Đảng Cộng Sản Việt Nam có thể bị sụp đổ một cách rất bất ngờ và rất tàn khốc.

Để giải quyết nạn thiếu thực phẩm, trên phương diện thuần túy kỹ thuật, câu trả lời đầu tiên của các chuyên viên các nhà chức trách đều giống nhau là phải tăng gia sản xuất. Nhưng tăng gia sản xuất như thế nào là một vấn đề mà để trả lời người ta phải khảo sát qua ba góc cạnh: đất đai, nhân lực và tư bản.

Đất đai trồng trọt của nước ta hiện có 6 triệu héc-ta. Con số này không kể thêm lục địa có thể khai thác được làm các trại nuôi tôm, cá. Câu hỏi được đặt ra là với diện tích này có đủ nuôi sống 65 triệu người hay không? Câu trả lời dứt khoát là

có. Ta có thể nuôi 65 triệu người và hơn thế nữa nếu có một chính sách nông nghiệp hợp lý, đem lại một năng suất cao hơn. Điều cần lưu ý là các chính quyền quốc gia kế tiếp nhau đã dồn nhiều cố gắng để khai phá thêm đất mới với ít nhiều thành công trong khi mọi chính sách khẩn hoang của đảng Cộng Sản đều hoàn toàn thất bại. Diễn hình là kế hoạch thiết lập các vùng kinh tế mới đã được quảng cáo rầm rộ nhưng đã thất bại hoàn toàn vì không được dân chúng hưởng ứng và vì không được chuẩn bị một cách chu đáo.

Theo những số liệu khách quan, Việt Nam có thể khai phá thêm ba triệu héc-ta đất trồng trọt nữa. Nhưng chúng ta chỉ nên coi con số này như một con số tối đa có thể đạt tới, chứ không phải là con số nên đạt tới hay phải đạt tới bởi vì diện tích 9 triệu héc-ta dành cho nông nghiệp lớn hơn 1/4 lãnh thổ và cũng có nghĩa là 100% lãnh thổ cư trú được của ta. Khả năng đáng lưu ý đặc biệt là 6 triệu héc-ta mà ta có thể khai thác trên thêm lục địa để phát triển ngành nuôi và đánh bắt hải sản. Một khả năng khác là hệ thống sông ngòi ở Việt Nam chưa được khai thác cho nông nghiệp và sau đó là vùng Đồng Tháp, tuy đòi hỏi một cố gắng đầu tư rất lớn về thủy lợi nhưng sau đó sẽ có khả năng nuôi và giữ cá không kém biển hồ của Cam-Bốt. Trở lại với nông nghiệp thuần túy, vấn đề chính là tăng năng suất. Năng suất trung bình về trồng lúa của Việt Nam chưa đạt được ba tấn một héc-ta, nghĩa là còn rất thấp so với trung bình của thế giới. Rất nhiều chuyên gia cho rằng năng suất năm tấn có thể đạt tới, nghĩa là Việt Nam có thể sản xuất dư ra 12 triệu tấn lúa để xuất cảng. Mục tiêu này có thể khó đạt tới nhưng tăng năng suất vào khoảng 20% là điều hoàn toàn nằm ở trong tầm tay. Nói tới tăng năng suất thiết tưởng ta cũng nên nói tới một việc còn dễ hơn mà tới nay vẫn chưa thực hiện được là giảm thiểu số thóc lúa bị hư hại sau khi đã gặt xong chỉ vì thiếu sản phơi và kho dự trữ. Ở miền Nam mặc dầu số sản phơi nhiều và tốt hơn miền Bắc, dân chúng vẫn thường đem lúa ra phơi ngoài quốc lộ. Không có số liệu nào về tỷ lệ hư hao nhưng sự thiệt hại vì thiếu sản phơi và kho dự trữ có thể là lên tới 10-15%.

Về nhân lực, dĩ nhiên ta không thiếu nhân công mà còn có thừa và quá thừa. Vấn đề không phải là thêm nông dân như chính sách kinh tế mới của đảng Cộng Sản. Vấn đề là có những nông dân lành nghề. Như tất cả mọi nước đất hẹp người đông, Việt Nam sẽ không có lối thoát về nông nghiệp mà dù muốn dù không cũng phải tìm lối thoát trong công nghiệp. Với sáu triệu héc-ta và 65 triệu dân, mỗi người chưa có nổi một công đất (một công là 1/10 ha) thì mức thu hoạch đầu người mỗi năm chỉ loanh quanh ở mức 100 đô la như hiện nay.

⇒ Tục về thực phẩm.

Một chính quyền sáng suốt phải chuẩn bị ngay từ bây giờ phương thức để giải tỏa bớt số người ở nông thôn chứ không phải dồn thêm người về nông thôn. Năng suất cao chỉ có thể tìm thấy bằng kỹ thuật cao chứ không phải bằng cách dồn nhiều người vào một vùng đất hẹp. Về điểm này chính quyền cộng sản cũng đang làm một sai lầm rất cơ bản.

Nói tới kỹ thuật cao, ta đã bắt đầu nói tới một yếu tố khác: vốn tư bản. Chính quyền cộng sản muốn người dân thiếu vốn và cho tới nay vẫn tận dụng mọi biện pháp tịch thu để rút hết khả năng tự tài trợ của nhân dân. Mục tiêu của đảng Cộng Sản là dồn cả mọi khả năng tài chánh vào các hợp tác xã, nhưng các hợp tác xã này thất bại hoàn toàn nên cuối cùng hậu quả duy nhất đã chỉ là sự nghèo nàn và lạc hậu của nông nghiệp Việt Nam. Tại miền Bắc chẳng hạn, nơi mà cuộc cải cách ruộng đất đã thực hiện xong từ 30 năm nay, công việc cày bừa vẫn dựa vào sức kéo của trâu bò và của người là chính. Tại châu thổ sông Hồng còn hàng trăm ngàn người phải cày bừa thay cho trâu và vì sức kéo của 10 người mới bằng một con trâu nên giá trị kinh tế của con người thật là rẻ rúng.

Vì sự thiếu vốn của nông thôn nằm trong cơ bản của chế độ nên giải quyết nó là phải giải quyết chính chế độ. Người nông dân chỉ có thể vay được vốn để mua sắm những công cụ cần thiết như máy bơm, máy kéo, máy đập lúa v.v... nếu có một định chế tín dụng ở nông thôn. Trước đây, miền Nam đã có Nông Tín Cuộc (sau đổi là Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp) nhưng định chế này đã bị dẹp bỏ sau ngày 30-4-1975.

Đối với những khu vực trồng trọt qui mô, vấn đề tín dụng có lẽ không khó khăn lắm bởi vì những khu vực này tự nó đã là đầu tư do quyết định của nhà nước hoặc do quyết định của tư nhân, nghĩa là đã có sẵn một phương án. Vấn đề khó khăn là tín dụng tiêu nông. Về điểm này, ta phải dứt khoát rằng nếu chính sách tập thể hóa vẫn tiếp tục hay nếu nghề ngân hàng vẫn còn là độc quyền của nhà nước thì không có thể có một giải đáp nào hết; bởi vì đó là tình trạng đã diễn ra từ trước tới nay với kết quả mà mọi người đều thấy.

Giải đáp chỉ có thể tìm được trong một bối cảnh kinh tế khác, nghĩa là trong một chế độ khác. Dù mang tên nào đi nữa giải pháp căn bản vẫn phải là tôn trọng quyền tự do kinh doanh. Trong giai đoạn đầu nhu cầu vốn liếng không cao lắm, nguồn tài trợ có thể đến từ các định chế tín dụng quốc tế, các chương trình phát triển lương nông quốc tế. Nhưng nó cũng có thể tới từ cộng đồng người Việt tại hải ngoại mà phần lớn đều có thân quyến tại nông thôn và đều đang trực tiếp giúp đỡ thân nhân trong nước. Cho tới nay, vì chính sách

cấm đoán làm ăn của chính quyền cộng sản, những sự giúp đỡ này đã chỉ giới hạn trong đồ tiêu dùng tức khắc (thuốc tây, vải, mỹ phẩm v.v...) nhưng trong một bối cảnh chính trị khác, sự viện trợ có thể là máy móc, dụng cụ, ngoại tệ và cũng có thể là những cơ chế cho vay tại nông thôn. Trái với một nhận định thông thường, bước đầu của sự phục hưng một nền kinh tế kiệt quệ không đòi hỏi nhiều tư bản mà đòi hỏi một sự lạc quan tin tưởng vào tương lai. Tất cả những gì ta vừa nói không thể có được với chính quyền hiện tại và với những cấp lãnh đạo hiện tại.

III - Chỉ có giải đáp chính trị

Người viết bài này cũng như nhiều chuyên gia khác đều tin tưởng chắc chắn rằng không có giải đáp thuần túy kinh tế nào cho tình hình nguy ngập tại Việt Nam. Như vậy cũng có nghĩa là không có giải đáp thuần túy cho nông nghiệp Việt Nam nói chung và cho vấn đề tự túc lương thực nói riêng.

Chúng ta không có gì để nói với một chính quyền đã để xảy ra nạn chết đói vào những năm chót của thế kỷ thứ 20 này. Những bàn cãi kỹ thuật chỉ có thể có trong một chế độ khác với những con người khác. Những con người khác đó sẽ chấp nhận quyền làm ăn của mỗi người trong đó có người nông dân. Những con người khác đó sẽ tôn trọng quyền tư hữu và không bao giờ có ý đồ cướp giật tài sản của nhân dân. Những người khác đó quan niệm rằng càng giảm thuế bao nhiêu thì càng thu được nhiều thuế bấy nhiêu, bởi vì thuế nhiều hay ít tùy ở sản lượng chứ không phải chỉ tùy ở tỷ suất. Chế độ mới đó không những chấp nhận mà còn khuyến khích việc thành lập các định chế tín dụng tại nông thôn. Chế độ mới đó sẽ không dồn thêm người về nông thôn mà trái lại sẽ tìm cách cơ giới hóa nông nghiệp. Chế độ mới đó phải trả tự do sản xuất lại cho nông dân.

Những điều quan trọng nhất là chế độ mới đó sẽ hòa giải mọi người Việt Nam với nhau để cả nước chung lòng dắt tay nhau ra khỏi cảnh đói khổ.

Nông nghiệp chưa bao giờ là một vấn đề phức tạp và do đó cũng không bao giờ cần tới một giải đáp phức tạp. Vấn đề của đất nước chúng ta là phải ra khỏi thế cô lập hiện nay để được cộng đồng quốc tế chấp nhận và phải phá vỡ được tâm lý bi quan tuyệt vọng hiện nay để đem lại một niềm tin mới, một sinh lực mới cho đất nước.

Chúng ta không có giải đáp nào hết với chế độ hiện tại và những con người đang cầm quyền nhưng chúng ta lại không có khó khăn nào đáng kể với một chế độ mới và những con người mới.

Lê Văn Đăng

Hoa dù muôn thuở

Đình Vĩnh Phúc

"Nhớ lại năm xưa giữa chiến trường..." Nhớ lại quốc lộ Sấm Sét từ Lộc Ninh đến Chơn Thành giữa rừng cao su âm u, bên cạnh con suối nhuộm máu hồng. Bốn sư đoàn địch nằm chờ. Lữ đoàn Dù nhảy vào, bám sát vào địch để tránh mưa pháo. Tiểu đoàn 6 tử thủ ở Đồi Gió, chịu đựng những cuộc tấn công dồn dập. Hơn hai tháng trời quần thảo với tử thần, dưới ánh mặt trời gay gắt, dưới bầu trời vàng vạc, cho đến ngày quân Dù vào được An Lộc. Đại lộ kinh hoàng từ Giáp Hầu đến La Vang không chỗ nào không ngổn ngang xác chết, từ lòng đất đến tận trời cao đầy những thờ than ai oán. Đường mòn Trường Sơn dài thăm thẳm, len lỏi giữa rừng khô, sỏi đá, luôn luôn chuyển động bởi muôn ngàn tiếng súng, tiếng bom, tiếng cuộc.

Chiến Khu D, nơi rừng thiêng nước độc, là cả một bãi chiến trường nguy hiểm. Quân Dù ào tới, mãnh liệt như một cơn gió lốc, đi tới đâu là bắn phá, tung hoành tới đó, gây tán loạn trong các sào huyệt. Ở Kiến Phong, pháo kích bắn không ngừng mà Mũ Đỏ tiến cũng không ngừng, lấy lưỡi lê cắt phăng trung đoàn địch ra hai mảnh. Katum là vùng cấm địa của những ô chuột say máu, mặc dầu vây đoàn Kiến Đỏ không chút nao núng, lặng lẽ nép sau gốc cây, chờ cho trận pháo bắt đầu yên lặng là hùng hổ xông ra, địch chạy tán loạn. Ở Đức Cơ, địch bị nát tới bởi trong lúc rút quân từ Khe Sanh, hai lữ đoàn bình tĩnh chạm súng với bốn sư đoàn Bắc Việt trong hơn hai tháng. Sau Tết Mậu Thân cũng như trong Mùa Hè Đỏ Lửa, mỗi chiến địa là mỗi chiến công. Quân Dù tiến vào Nội Thành, giải phóng Quảng Trị.

Nhưng dưới vòm trời Ấp Bắc, ôi đau thương, Hoa Dù lạc vào ổ địch, rơi rụng như lá me. Trên khắp đồi suối Đồng Xoài, xác người ngổn ngang, thương binh bị thanh toán. Rồi những đêm dài ở Cao Nguyên, người chiến sĩ rừng mình nghe xe tăng nghiền nát rào sắt, tiếp đến là những bóng lơ lơ, những đợt thiêu thân như biển cả ập vào. Hàng ngàn người lúc nhúc, hàng ngàn tiếng cuộc đào hầm, giữa một rừng núi đen thẳm, sương mù bao bọc, với những trận pháo long trời lở đất. Ôi giờ định mệnh đã tới, xin từ già đồng đội, xin già từ Charlie. Trên khắp ngã đường, giữa những

vùng đất xa xôi, bao cánh Dù bị gãy, bao mũ đỏ quay cuồng!

Tuy nhiên Hoa Dù vẫn rang nở. Vào sinh ra tử là chuyện đương nhiên. Mỗi năm hai tuần nghỉ phép, người lính dù kể chuyện vui chiến trường cho mẹ nghe, đi lang thang ngoài phố với người yêu, tâm hồn thư thái. Anh nhớ lại buổi bình minh thời niên thiếu, tiếng nói trẻ dại, và ngây ngất nhìn người con gái đã lớn lên, sẽ cùng anh chờ đợi hòa bình, sẽ đón anh trước đài danh dự, sẽ chia xẻ tâm sự của anh trong thời chinh chiến. Giây phút thiêng liêng thực ngắn ngủi, như nhịp thở của một đời cát bụi, nhưng nó lưu luyến quá. Nó điu dặt anh lần dần trong rừng sâu, thao thức trong đêm dài. Nó hướng lòng anh về một chân trời nhất định trong khi đời anh nhẹ như mây thoảng, xác anh mệt nhoài, thần kinh anh tê tái. Nó cho anh hưởng hành khúc cuối cùng trước khi anh bị vùi sâu dưới đất để trút nợ đời.

"Nước non chan chứa một niềm đau". Mùa xuân năm đó, quân Dù được lệnh đầu hàng. Xuất trận trăm phần trăm thắng mà phải buông súng nhận phần thất bại. Thế là một thời đã qua với tất cả sự phi lý và đau thương của nó. Ôi thiên thần mũ đỏ, hãy thét lên, hãy gào lên, hãy ngậm đắng nuốt cay để lòng tràn ngập nỗi uất ức căm hờn. Hãy ngậm ngùi trong ngục tù hay túi hờn nỗi tha hương. Hỡi Đại Bàng gãy cánh, còn nhớ không những vùng trời bao la, những buổi sáng huy hoàng, khi người là vinh hạnh của Miền Nam, là linh hồn của chiến cuộc?

Hình ảnh năm xưa còn lẩn quất đâu đây. Hình ảnh những chiến sĩ kiêu hùng trong bộ dù hoa tung hoành khắp cõi Đông Dương, xuất quỷ nhập thần, phản trận địa rất mau, vừa xong trận này đã nhào vào trận khác để cứu viện đồng bạn. Cái khí phách hiên ngang, cái tâm hồn quả cảm đó đã gắn bó với non sông này mà mỗi chiến địa là một trang sử bất diệt. Hoa Dù biểu tượng tinh thần bất khuất của người quốc gia. Nó đã sáng ngời hơn 20 năm và nó sẽ sáng ngời mãi mãi. Nó nhắc lại một sự kiện lịch sử hiển nhiên là không có dân tộc nào đã chống cự lâu dài trước hiểm họa Cộng Sản bằng dân tộc Việt Nam, và cũng không có dân tộc nào đáng được hưởng tự do bằng dân tộc này. Một ngày kia Hoa Dù muôn thuở sẽ xuất hiện lại trên quê hương như nó vẫn tồn tại trong trí nhớ của mọi người.

Vậy thi nhân hãy để hồn nhập với các thiên thần, mỗi vần thơ là một hương thơm ngào ngạt, một điệu nhạc uyển chuyển, để dâng lên các vị anh hùng đã hy sinh vì đại nghĩa, để an ủi những kẻ sống sót đã chịu mọi thiệt thòi và đang hướng về một tương lai sáng lạn.

(Viết theo tập thơ của Nguyễn Văn Y, Hoa Dù 1987, Hoa Dù II 1988)

NGHĨ LÂN THÂN VỀ CHỮ "MẠN"

Trần Thanh Hiệp

Cũng như tùy bút, đoản văn, phiếm luận, mạn đàm là một trò chơi chữ nghĩa. Nhưng có lẽ người đầu tiên có sáng kiến dùng mạn đàm làm một sáng tác, như một thể loại mới, không vụ khoe chữ mà vụ khoe ý. Khoe một cách nhẹ nhàng và vượt ra khỏi những ràng buộc của thành kiến, ước lệ, những cảm xúc khuôn sáo, sắp xếp xã giao, v...v... để mà nói. Để "mạn" mà "đàm". Để người đọc mua vui.

Thông Luận có mục Mạn Đàm nhưng Thông Luận lại không phải là đất để "tân văn chương". Số trang của tờ báo quá giới hạn nên mỗi dòng mỗi cột đều rất quý. Những người chủ trương tờ báo lại đóng góp tiền không phải vì cầu lợi mà vì muốn viết cho "đất nước hôm nay và ngày mai". Những người đọc cũng rất khó tính: bỏ ra 100 quan nặng mua 11 số báo một năm để nghe những lời tâm huyết, không phải để được đưa vào chôn mua văn bán chữ, vàng thau lẫn lộn. Còn người viết? Dĩ nhiên là không có tiền nhuận bút nhưng ít ra cũng phải thỏa mãn được một nhu cầu tinh thần nào đó.

Mấy lâu nay thấy diễn ra cuộc hỗn chiến chung quanh một cuốn hồi ký, đọc đăm ba bài viết về chuyện "đói" của đồng bào trong nước, nghe thuyết minh về chiến đấu phục quốc, lắm người lòng đầy bất bình. "Thuyết đạo nhân tình kiếm dục minh" nếu thời xưa khi nói đến tình người, lòng kiếm của tráng sĩ muốn kêu lên thì thời nay phải bàn về thế sự, cây viết của người cầm bút cũng không thể bất động trong cầm nín.

Nhưng tuổi trên 60 là cái tuổi "nghe điều gì cũng lọt tai". Chẳng phải như vậy là không còn phân biệt phải trái, trắng đen, mà là tại lòng bao dung bắt đầu thực sự xuất hiện.

Một quan tòa già người Pháp, khi được bổ nhiệm giữ một chức vụ cao nhất của thẩm phán đoàn đã có những lời tâm sự rằng muốn xét xử, phải có một chút "đam mê", và muốn điều khiển quản trị phải có rất nhiều ưu ái. Đó cũng là tâm sự của những người cầm bút đã luống tuổi mà còn

muốn liên hệ với thực tại tại nhân xã người Việt ở ngoại quốc. Đã nhìn, đã thấy, đã hiểu và đã chỉ muốn mũ ni che tai, "lão già an chi". Nhưng dưới cái vỏ chán chường vẫn còn ấp ủ đam mê và ưu ái. Dam mê để bảo vệ một số giá trị, ưu ái để thấu rõ nguyên do của nhiều hiện tượng diễn ra hằng ngày.

Dưới lăng kính ấy, cuộc sống của người Việt ở nước ngoài hiện nay bỗng mang một vẻ "lãng mạn" mới, lãng mạn hiểu theo nghĩa những biểu hiện vượt ra khỏi một số giới hạn để tìm một chỗ đứng trong cuộc sống mới. Lãng mạn như những đợt sóng tràn xô trên mặt nước mà vươn tới.

Nhưng không phải bất cứ một vươn tới nào cũng mang tính chất lãng mạn. Không có gì đáng coi là lãng mạn cảnh tượng những bàn tay từ vực sâu "xã hội chủ nghĩa" vươn lên và quờ quạng cố nắm lấy một hy vọng mong manh thoát khỏi đọa đày. Đó chỉ là những vùng vẫy của tuyệt vọng, của hấp hối. Nhưng khi thoát hiểm cuộc đời "sống lại" trên đất lạ mới phô bày sắc thái lãng mạn.

Xin chớ vội cho rằng cuộc đời đó đã do những nhà văn, nhà thơ phác họa ra. "Sống lãng mạn như trong tiểu thuyết", nếu cách ví von này có đúng thì cũng chỉ đúng với những tiểu thuyết chưa sáng tác! Sự thật, các nhà văn nhà thơ Việt nam, trong cuộc biến động xã hội 1975 - nỗi kinh hoàng của thế kỷ - đã bị thực tế tràn ngập. Họ hãy còn lẻo đẻo chạy theo thực tế ấy, gặm nhấm một vài kỷ niệm xưa, nương tựa chút ánh hồi quang của một thời vang bóng hay choáng ngợp trước sự kỳ diệu của mới lạ. Từ cái nhìn đến bút pháp của họ còn chưa chụp bắt được thực tế, nói gì đến chuyện mở một chân trời mới cho hàng triệu độc giả đang thiếu món ăn tinh thần hằng ngày.

Vậy những vẻ lãng mạn mới của cuộc đời lưu vong là những biểu hiện tự phát của tâm trạng phải quên đi những ranh giới cũ và mau lẹ bước vào thế giới mới với chút ít hành trang trên tay. Phải lớn lên, phải bùng ra, phải mang những kích thước mới, phải biến dạng để thích ứng với không gian sinh tồn trong đó con người cá thể là chính,

con người tập thể là phụ. Mỗi người là một tác giả của cốt truyện cuộc đời mình, viết trước hết cho chính mình. Một trường phái lãng mạn như đã từng có ở châu Âu phải thai nghén gần ba thế kỷ. Mười ba năm, với một đời người có thể đã là một thời gian đáng kể. Nhưng trên dòng lịch sử, mười ba năm chưa thể là một thời gian đáng kể. Hãy để cho thời gian thử thách, đãi lọc và ổn định. Trong khi chờ đợi, lãng mạn tình cảm là một cách sống, đồng thời cũng là sức sống tự nhiên, không được hướng dẫn mà cũng không thể ngăn cản.

Nhưng cần chấm dứt càng sớm càng hay sự lãng mạn trong địa hạt chiến đấu. Từ những năm 40 khi việc giành độc lập tự do cho đất nước thực sự đi vào hành động, ở cả mọi phía, tác phong chiến đấu lãng mạn đã không còn chỗ đứng. Nếu một "buổi chiều vàng", một "đêm mưa gió", người chiến sĩ phải "rủ áo ra đi", lao mình vào "chôn phong sương" thì người đó cũng đã phải thấy rõ là phải đi tới đâu, theo đường nào. Không còn những cuộc lên đường chung chung tới những điểm hẹn mơ hồ của hy vọng, đi không chắc đến nơi nhưng đi để "thành người". Sức ép của hành động đã thay đổi tư tưởng, ngôn ngữ hay nói cách khác đã thay đổi cả nội dung lẫn hình thức của chiến đấu. Chiến lược, chiến thuật, tổ chức được đưa lên hàng đầu không ngoài mục đích bảo đảm sự thành công cho hành động. Do đó mà hành động nay đã trở thành thuốc hiện hình của lãng mạn.

Còn nhớ cộng sản Việt Nam là những người đầu tiên lớn tiếng chê cuộc chiến đấu của những người không cộng sản là lãng mạn. Nhờ mọi thủ đoạn giao hoat để tận dụng xương máu dân chúng, cộng sản đã tới được những điểm hẹn dự tính. Họ đã cướp được chính quyền từng vùng, từng miền rồi trên cả nước. Nhưng thiên đường "xã hội chủ nghĩa", "ngày mai ca hát", nhân xã "xóa tan biên cương loài người sống thân yêu" vẫn xa vời nếu không phải là không hề có. Tiếp tục bám lấy những viễn tượng ấy mà không tìm được lối đi, không đủ sức đi tới đích là lãng mạn, dù nội dung cũng như hình thức của nó không giống lãng mạn của những năm 30.

Những người không cộng sản cũng đã tới được những điểm hẹn dự tính. Cuộc đảng tranh giữa thập niên 40 tuy được chấm dứt bằng sự đắc thắng của cộng sản nhưng giữa thập niên 50, một nước Việt Nam tự do đã được thiết lập ở miền Nam với một quân đội trên một triệu người. Tuy vậy, "thế giới tự do" hằng mơ ước chẳng bao giờ đến với họ. Và thay vào đó là một "đảo tù" cho những kẻ bại trận đã đành mà còn cho cả dân chúng vô tội nữa.

Trên bước đường lưu vong vì đất sống của mình đã bị cướp mất, những người không cộng

sản vẫn tiếp tục mơ ước "thiên đường lý tưởng". Mơ màng nửa ngủ nửa thức, họ đã ôm ghì lấy mộng "thế giới tự do" của những thập niên 50, 60. Họ lạc bước vào mê cung lãng mạn mà vẫn tưởng chừng như đang tiến bước ra chiến trận. Còn có những người không muốn rời bỏ phòng cảnh hù dọa của những võ tướng "một đêm làm vua", cố níu lại một thuở vàng son.

Tựu trung, vẫn là câu chuyện ngăn cách giữa thực với mộng.

Người Việt khi còn sống trong nước phần lớn đều tiềm nhiệm nhân sinh quan coi đời là bể khổ. Ra khỏi nước và hội nhập vào các xã hội tiêu thụ thì đời là nguồn sướng. Vậy đúng hơn thì coi đời là bể, không khổ, không sướng. Nhưng bể thì lúc lặng yên, lúc sóng gió. Và đi trên bể không phải đi trên hồ ao.

Nguyễn Khuyến, qua những bài Thu Diệu, Trưa Hè,... đã ghi khắc sâu đậm trong ký ức tập thể một nhân sinh quan đang bị thay đổi. Chấn trời Việt Nam đã mở rộng sau 1975, chiếu tỏa khắp năm châu, đòi hỏi ở người Việt nhân sinh quan của những người phiêu lưu đi vào không gian, sửa soạn bước qua ngưỡng cửa những năm 2000.

Cái vẻ lãng mạn của đời sống người Việt ở ngoài nước hiện nay là những đợt sóng gợn lăn tăn trên mặt nước của hồ ao.

Sự nghiệp "quang phục đất nước" như một cơn bão biển và còn bỏ xa những cuộc "vượt biên" từ quy mô tới cường độ.

Hãy cho nổi lên những đợt "sóng đáy", nguồn nội lực muôn thuở của giống nòi được tồn trữ trong đáy tầng sâu kín của mỗi người Việt và tuôn trào mỗi khi đất nước lâm nguy, để đánh Tống, bại Nguyên, bình Ngô, phá Thanh. Cột đồng Mã Viện tuy đã bị chôn vùi dưới năm tháng nhưng vẫn còn đứng vững trong tâm tưởng người Việt. Nước sông Bạch Đằng đỏ vì phù sa, nhưng óng ánh như mang sắc hồng của máu người Việt. Đó mới là thứ lãng mạn cốt cách của giống nòi, khác với những thứ lãng mạn vụn vặt, gục đầu trên dĩ vãng, trôi lênh bênh trên mặt nước như cùi khô, bèo bọt, giấu đầu vào nơi ẩn náu như con đà điểu chạy trốn thực tại với một lương tâm yên ổn của một bản năng, một bản thể thấp kém, thứ lãng mạn quản lý đời sống của những người đang dần dần tự đặt mình vào lề lịch sử. Nếu vẫn còn muốn lãng mạn hay còn phải lãng mạn, thì nỗi cuồng nộ vươn tới vận động lịch sử ở trong nòi dân tộc. Để một phen dứt khoát với định mệnh những kẻ bị áp bức, những kẻ chiến bại.

TIN TỨC..THỜI SỰ.. TIN TỨC

Những người yêu nước lại bị Cộng Sản bách hại

Hãng thông tấn Pháp AFP ngày 9-10-88 loan tin hai vị đại đức kiêm nhà văn Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sỹ bị nhà cầm quyền CSVN tuyên án tử hình, cùng với ông Trần Văn Lương. Những phiên tòa xử này được giấu kín, không có huy động báo chí chứng kiến, địa điểm và ngày xử án cũng không thấy công bố. Qua đầu tháng 10, báo chí trong nước mới loan tin kết quả vụ xử án.

Ông Trần Văn Lương thuộc Lực Lượng Dân Tộc Phục Quốc, một tổ chức kháng chiến trong nước, đã bị bắt khi đang rải truyền đơn. Ông đã bị tuyên án tử hình ngày 22-9-88.

Đại Đức Thích Tuệ Sỹ là nhà văn, triết gia, Đại Đức Thích Trí Siêu là sử gia, cả hai là tăng sĩ Phật Giáo đã từng là giáo sư đại học Vạn Hạnh trước 1975, và đang nghiên cứu soạn bộ Phật Giáo Việt Nam Đại Từ Điển thì bị bắt đầu tháng 04-84 tại chùa Già Lam cùng với nhiều tu sĩ Phật giáo khác. Đến cuối tháng 9-88, hai Đại Đức bị kết án tử hình về tội "chống phá cách mạng", và 19 người khác bị kết án tù từ khổ sai chung thân đến nhiều năm lao động tù ngục.

Khi biết được tin này, các tổ chức quốc tế và Việt Nam tại Âu Châu đã có phản ứng mãnh liệt lên án hành động thô bạo của nhà cầm quyền Hà Nội.

Đại diện các cơ cấu Phật Giáo Việt Nam tại Pháp và Âu Châu đã phổ biến một bức thư ngỏ gửi đến Đức Giáo Hoàng, hội Ân Xá Quốc Tế, Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc, chính phủ các nước Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Đan Mạch, Thụy Điển, Úc, Nhật, Đại Hàn, v...v... yêu cầu các nước dùng áp lực ngoại giao buộc nhà cầm quyền Việt Nam trả tự do cho các tu sĩ và những người yêu nước khác.

Chủ tịch và Tổng thư ký Văn Bút Quốc Tế đã chính thức gửi công điện và văn thư can thiệp với chính quyền CSVN để hỏi rõ về vụ xử hai nhà văn Trí Siêu, Tuệ Sỹ, và bày tỏ mối quan tâm về sinh mạng của hai người. Nhà thơ René Tavernier, Chủ tịch Văn Bút Pháp Quốc kiêm Phó chủ tịch Văn Bút Quốc Tế cũng gửi kháng thư đến tòa Đại sứ Hà Nội tại Paris.

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại cũng phổ biến một lời kêu gọi các tổ chức quốc tế can thiệp mau lẹ và cương quyết ngỗ hầu chặn đứng ngay việc "bách hại các nhà văn, các nhà trí thức, các nhà tu hành và tất cả những người yêu nước ở Việt Nam".

Biểu tình trước sứ quán Hà Nội tại Paris

Vào lúc 14giờ 30 chiều thứ bảy 29-10-88, 70 hội đoàn người Việt đã tổ chức một cuộc biểu tình tại khu vực tòa đại sứ Hà Nội, đường Boileau quận 16 Paris. Cuộc biểu tình nhằm cực lực phản đối nhà cầm quyền CSVN vừa kết án tử hình Đại Đức Thích Tuệ Sỹ (tục danh Phạm Văn Thương), Đại Đức Thích Trí Siêu (tục danh Lê Mạnh Thát) và ông Trần Văn Lương.

Trong số khoảng 400 người dự cuộc biểu tình, người ta nhận thấy có đông đủ các đại diện những hội đoàn, tổ chức, đặc biệt là các đoàn thể phát giáo: Thượng Tọa Thích Minh Tâm (chùa Khánh Anh ở Bagneux, vùng phụ cận phía nam Paris), Thượng Tọa Thích Như Điển (chùa Viên Giác, Hannover, Tây Đức), Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt (chùa Thiện Minh, Lyon, Pháp), Đại Đức Thích Quảng Hiền (đến từ Bern, Thụy Sĩ). Ngoài ra cũng có đại diện Công Giáo, Cao Đài và Hòa Hảo.

Trong bài phát biểu cảm tưởng, Thượng Tọa Thích Minh Tâm nói: "...trong khi thế giới đang cố gắng mở rộng vòng tay, đang cố gắng tạo không khí hòa hoãn để mọi người được sống trong Hòa Bình Nhân Ái thì Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn đi ngược lại: tiêu diệt, hủy hoại tất cả những khả năng văn hóa, những nghệ sĩ, những học giả và những nhà tôn giáo đã và đang hy sinh phụng sự cho nhân loại."

Sau đó, ông Võ Văn Ai, đại diện Ủy ban Quyền Lâm Người Việt Nam, đã lược qua tiểu sử của ba người bị kết án tử hình, và những thành quả bước đầu trong cuộc vận động quốc tế chống âm mưu giết người của Hà Nội. Tiếp theo là những phát biểu cảm tưởng của đại diện các hội đoàn: linh mục Phan Thanh Văn, ông Trần Châu Lam (Cộng Đồng người Việt tị nạn tại Hòa Lan), ông Vũ Quốc Thao (Tổng Hội Sinh Viên Paris), v...v...

Một kháng thư đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội phải hủy bỏ tức khắc và vô điều kiện các bản án tử hình đã được đọc trước cửa tòa đại sứ Hà Nội.

Trong cuộc biểu tình này, người ta gặp đủ mọi khuôn mặt tiêu biểu cho các khuynh hướng chính trị khác nhau trong hàng ngũ người Việt tị nạn, tất cả đều dương cao hình các thượng tọa bị xử án cùng với cờ Việt Nam và cờ Phật Giáo. Thế mới biết khi tự do tín ngưỡng bị vi phạm trắng trợn, người ta sẵn sàng tạm quên mọi bất đồng chính kiến để cùng nhau sát cánh thực hiện một mục đích chung.

TUẦN TỨC..TRỞ LẠI SỰ..TUẦN TỨC

"Hồi hương" người tị nạn

Ngày 12-10-88, thứ trưởng ngoại giao Hà Nội Vũ Khoan và thứ trưởng ngoại giao Anh Quốc đặc trách A Châu Robin McClaren đã phổ biến một thông cáo chung về việc "tổ chức hồi hương tự nguyện" những thuyền nhân Việt Nam hiện tạm trú trong các trại tị nạn tại Hồng Kông.

Biện pháp này nhằm vào 9500 người vượt biên đến Hồng Kông từ sau ngày 15-5, bị chính quyền Anh Quốc xem như nhập cư bất hợp pháp và bị từ khước quy chế tị nạn. Nguồn tin Reuter cho biết đã có khoảng 350 người chấp nhận "tự nguyện hồi hương", sẽ trở về Việt Nam trước cuối năm nay. Chương trình hồi hương sẽ được đặt dưới sự giám sát của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (HCR). Chính quyền Anh hứa sẽ giúp đỡ phương tiện chuyên chở hồi hương cũng như dụng cụ canh nông và xây dựng nhà cửa. Điều này cho ta thấy tương lai của những người "hồi hương tự nguyện" thật đen tối: nếu không trại cải tạo thì cũng vùng kinh tế mới.

Vũ Khoan cũng tuyên bố là "không thể bảo đảm rằng những người hồi hương này sẽ được ân xá, vì khi ra đi họ đã vi phạm luật lệ của nước CHXHCN Việt Nam, tuy nhiên họ sẽ được hưởng chính sách nhân đạo".

Người ta không khỏi rùng mình khi nghĩ đến những chính sách "nhân đạo" của Cộng Sản Việt Nam: vì "nhân đạo" mới có các trại tù cải tạo, nếu không nhân đạo thì đã giết hết; vì "nhân đạo" mới có vùng kinh tế mới, nếu không nhân đạo thì đã đuổi thẳng cánh ra khỏi thành phố ngay từ khi mới vào Sài Gòn như "người anh em Pol Pot ngày nào" bên Cam-Bốt.

Lời tuyên bố của Vũ Khoan lại càng làm lộ bộ mặt vô liêm sỉ của tập đoàn cầm quyền Hà Nội. Nếu những thuyền nhân này may mắn được một nước thứ ba chấp nhận, họ lập tức trở thành "những người con thân thương của đất nước" và được trái tim mời "về thăm quê cha đất tổ". Chỉ vì lúc đó họ đã có đồ-la. Còn chẳng may kẹt trong trại tị nạn thì bị xem là thành phần "vi phạm luật lệ", có về thì cũng "không thể bảo đảm sẽ được ân xá"! Thì ra "tình nghĩa đồng bào" của Cộng Sản Hà Nội chỉ có nghĩa với kẻ có tiền.

Vấn đề hồi hương những người tị nạn còn kẹt trong các trại ở Đông Nam Á đã là đề tài thảo luận từ mấy tháng qua. Hồng Kông hiện còn 27.000 người trong các trại giống như những trại tù. Mã Lai Á cũng tuyên bố sẽ đóng cửa các trại trên đảo Pulau Bidong, và họ cũng đang tìm cách để trả những người còn lại về Việt Nam. Ngày 28-10-88, một cuộc họp sơ bộ tại Bangkok đã quy

tụ 17 nước - kể cả CSVN - theo lời kêu gọi của Cao Ủy Tị Nạn LHQ (HCR). Cuộc họp này nhằm chuẩn bị cho một hội nghị quốc tế về người tị nạn vào năm tới. Ông Sergio Vieira de Mello, trách nhiệm HCR vùng A châu và Uc châu, tuyên bố "đây là một bước ngoặt, chúng ta đang tiến đến khởi đầu của sự chấm dứt vấn đề thuyền nhân".

Một trong những lý lẽ họ đưa ra là những người vượt biên là "tị nạn kinh tế". Danh từ này đã được họ đặt ra để biện minh cho thái độ xua đuổi của họ, bởi vì từ trước đến giờ chỉ có người "tị nạn", tức là "tị nạn chính trị", không hề có "tị nạn kinh tế". Người dân Việt Nam liều chết bỏ đi không phải vì miếng cơm manh áo, mà vì họ chạy trốn một chế độ không để cho họ làm ăn một cách bình thường. Đây là một thái độ chính trị, chống đối lại một chế độ chà đạp lên tất cả những quyền tự do căn bản của con người, và như vậy, các người vượt biên này chỉ có thể là tị nạn chính trị.

Có lẽ thái độ của cộng đồng người Việt hải ngoại cũng đã phần nào tạo ra ấn tượng cho các nước tiếp cư. Nếu mang danh là tị nạn chính trị mà không có một thái độ chính trị nào đối với chính quyền mà mình bỏ trốn thì người bản xứ ở các nước tiếp cư có quyền đánh dấu hỏi về thực chất tị nạn của mình. Và nếu người tị nạn chính trị lại còn thành thoi về nước du hí, nghỉ hè thì người ta không đánh dấu hỏi nữa, mà người ta sẽ khẳng định rằng những người này không phải tị nạn chính trị.

Cao Ủy Tị Nạn cũng tỏ vẻ dè dặt về chuyện "hồi hương tự nguyện". Bởi vì trong những trường hợp như vậy, người ta có rất nhiều cách để làm áp lực với những người đang bị cầm giữ để việc hồi hương của họ trở thành "tự nguyện". Hơn nữa, có gì bảo đảm là những người hồi hương này sẽ được đối xử tử tế hay không? Dù Hà Nội có hứa hươu hứa vượn gì chẳng nữa thì cũng chẳng còn ai dám tin vào những người đã nổi danh là chuyên viên bội tín.

Phản ứng cộng đồng hướng về đồng bào tị nạn ở Hồng Kông

Khi hay tin Anh Quốc đã thỏa thuận với CSVN để "hồi hương tự nguyện" đồng bào tị nạn tại Hồng Kông, cộng đồng người Việt hải ngoại đã đồng loạt phản ứng mạnh mẽ để yêu cầu chính phủ Anh tiếp tục truyền thống tiếp đón nhân đạo của Anh Quốc.

Ủy Ban Yểm Trợ Chương trình Cứu Người Vượt Biên cùng các hội đoàn, tổ chức của cộng đồng Việt Nam tại Pháp đã gửi cho bà thủ tướng

THỜI SỰ...TÒA TỬC...THỜI SỰ

Anh Margaret Thatcher một bức thư ngỏ đề ngày 18-10-88. Bức thư này "trước hết bày tỏ mối quan tâm đặc biệt và thái độ phần nộ trước những biện pháp vô nhân đạo, kỳ thị và giới hạn khắt khe mà chính phủ Anh Quốc đã quyết định, đi ngược lại quyền lợi của những người Việt Nam đang tạm trú tại Hồng Kông." Sau khi đưa ra một số nhận định về vấn đề "hồi hương tự nguyện", bức thư đã kêu gọi chính quyền Anh Quốc "chấm dứt tức khắc chính sách ô nhục gọi là "can gián nhân đạo" bằng việc giam cầm, không công nhận quyền tị nạn và trục xuất về Việt Nam".

Trưa ngày 26-10-88, một phái đoàn do linh mục Trần Kim Thiện hướng dẫn đã đến tòa đại sứ Anh quốc tại Paris để trao bức thư ngỏ này.

Song song với việc gửi bức thư ngỏ là một chiến dịch lấy chữ ký của người Việt cũng như người Pháp. Một cuộc biểu tình trước tòa đại sứ Anh tại Paris cũng được dự trù vào chiều ngày thứ bảy 5-11-88, lúc 15 giờ.

Chiều chủ nhật 30-10, tại rạp Maubert, một buổi trình diễn văn nghệ đã được 17 hội đoàn tổ chức để gây quỹ giúp cho đồng bào tị nạn đang bị giam cầm tại Hồng Kông. Buổi trình diễn đã gặt hái kết quả rất tốt đẹp. Ông Đặng Vũ Biền, chủ tịch hội Dược Sĩ Việt Nam (một hội đoàn chủ chốt trong việc tổ chức buổi văn nghệ) đã trao tại chỗ số tiền thu được là hơn một trăm ngàn quan pháp cho đại diện của hội Secours Catholique. Hội từ thiện này sẽ dùng số tiền trên để giúp cho đồng bào trong trại giam ở Hồng Kông.

Trở về cát bụi

Nếu Trường Chinh biết được rằng vào ngày 30-9-1988, hay vào một ngày nào đó ông sẽ chết có lẽ ông đã không đến nổi giáo điều và cuồng tín như trong cuộc đời hoạt động của ông.

Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu sinh năm 1907 tại làng Hành Thiện tỉnh Nam Định, là người phát động và chỉ huy đợt đấu tố 1955 - 1956 trong đó sự tàn bạo đã vượt ngoài tất cả mọi tưởng tượng. Trước sự phẫn nộ của dân chúng, Trường Chinh đã mất chức tổng bí thư đảng năm 1956 nhưng chẳng bao lâu lại trở lại và trở thành chủ tịch nhà nước rồi tổng bí thư đảng cho đến tháng 12-1986.

Một đặc điểm khác của Trường Chinh là ông luôn luôn dùng ngôn ngữ thô lỗ với những người không cùng phe với ông, chẳng hạn như năm 1978 khi đề cập đến các quân nhân công chức miền nam bị giam cầm ông nói "chúng nó đang dền tội".

Nhiều tài liệu của đảng cộng sản Việt Nam trình bày Trường Chinh như một lý thuyết gia. Nhưng thực ra ông chỉ chứng tỏ trình độ văn hóa rất sơ đẳng qua những lý sự rất ấu trĩ. Trong suốt cuộc đời dài 81 năm của ông, Trường Chinh chưa hề có một hành động hay lời nói nào có chút nhân nghĩa.

Con cóc trong lăng Con cóc nhảy ra...

Vào những năm cuối của thập niên 60 và gần hết thập niên 70, thân cộng là một thời trang, hầu hết các nước chậm tiến đều ngã về phong trào cộng sản. M'Bow đại diện của Sénégal tại UNESCO hiểu như vậy và đã dùng mọi thủ đoạn để ve vãn đại diện các nước chậm tiến, chiếm đa số trong UNESCO. M'Bow đã được bầu làm Tổng Giám Đốc UNESCO và với sự đỡ đầu của Liên Xô đã tái cử hai lần liền mặc dầu bị rất nhiều tai tiếng về hành tung lố bịch cũng như về thâm lam công quỹ. Hoa Kỳ, Anh và Singapour đã rút khỏi UNESCO để tẩy chay M'Bow. Nhật Bản, Pháp và nhiều quốc gia khác cũng đe dọa rút khỏi UNESCO nếu M'Bow còn tiếp tục làm Tổng Giám Đốc tổ chức này. Tưởng rằng chỉ cần được quan thầy Liên Xô nâng đỡ là đủ, M'Bow đã làm tất cả những gì mà ông ta nghĩ là vừa ý các nước cộng sản và thân cộng. Một trong những việc làm loại này của M'Bow là hỗ trợ cho đề nghị tôn Hồ Chí Minh làm danh nhân văn hóa. Năm 1987 M'Bow bị quá nhiều tiếng xấu nên đã bị mất chức trong sự khinh bỉ của mọi trí thức có uy tín. Hầu hết những gì M'Bow đã làm giờ đây trở thành những trò hề. Việc phong tước hiệu danh nhân văn hóa cho Hồ Chí Minh cũng không hơn gì.

Ông Hồ Chí Minh chỉ có trình độ học vấn thấp, không có công trình văn hóa nào và cũng không tỏ ra có một năng khiếu đặc biệt nào về văn hóa. Theo đảng cộng sản Việt Nam thì Hồ Chí Minh có làm một số bài thơ nhưng tất cả đều không có một giá trị văn học nào mà chỉ là những bài về đề tuyên truyền. Bài "thơ" được biết đến nhiều nhất của ông như sau: "Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ta nhất định thắng, địch nhất định thua". Đọc những "văn thơ" này nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã mượn lời một nhân vật trong một tiểu thuyết của mình để la lên "thơ đ... gì thơ thế!". Có lẽ vì câu phê bình này mà họ Doãn bị bỏ tù năm năm và mới đây lại mới bị kết án tám năm tù về tội phản loạn mặc dầu ông chỉ là một nhà văn và nhà giáo hiền hậu và đức độ.

Như vậy là hai mươi năm sau khi đã từ giả cõi đời Hồ Chí Minh vẫn còn là đối tượng của một

TÔN TỨC..THỜI SỰ..TÔN TỨC

trò cười.

Ngày 9-10-88, tại Paris, một số đông các hội đoàn người Việt tị nạn đã quyết định thành lập một ủy ban nhằm tố giác tội ác của Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam, khác hẳn những gì người ta đã ca tụng ông trong bản quyết định của UNESCO ngày 28-10-87.



Ô. Phạm Hữu Giáo nói lại cho rõ

Tôn trọng quyền trả lời, chúng tôi xin đăng nguyên văn bức thư từ Calgary Canada, đề ngày 25-9-88 của ông Phạm Hữu Giáo:

"Trong Thông Luận số 8, tháng 9-88, nơi trang 13, mục Thời sự Tin tức, Quý Báo có loan tin về Hội nghị Liên minh thế giới chống Cộng họp tại Genève từ ngày 27 tới 29-8-88. Với tư cách trưởng phái đoàn Phân bộ Việt Nam tự do tại hội nghị này, tôi xin Ông Chủ nhiệm vui lòng cho đăng những hàng sau đây trong số Thông Luận gần nhất để nói lại cho rõ một vài sự kiện:

1. Phân bộ Việt Nam tự do thuộc Liên minh thế giới chống Cộng vẫn tiếp tục sinh hoạt từ 1967, dù hoạt động có bị thu hẹp khi di tản ra nước ngoài. Phân bộ không phải được tái sinh với những người thân cận của cựu T.T. Nguyễn Văn Thiệu sau khi bác sĩ Phan Huy Quát và DT Đỗ Đăng Công mãn phần. Phân bộ đang xúc tiến kế hoạch mở rộng thành phần tham gia và tăng cường công tác. Phân bộ không chủ trương phục vụ riêng một cá nhân hay đoàn thể nào mà chỉ nhằm đóng góp vào công cuộc đấu tranh chung của mọi người Việt Nam chống cộng. Cựu T.T. Nguyễn Văn Thiệu được mời đọc diễn văn tại hội nghị với tư cách diễn giả khách (guest speaker) không có liên quan gì tới hoạt động của phái đoàn thuộc Phân bộ Việt Nam tự do.

2. Sự liên lạc giữa ông Nguyễn Văn Ngân, nguyên phụ tá của cựu T.T. Thiệu và chúng tôi hoàn toàn dựa trên căn bản tình bạn và tình đồng chí. Không có vấn đề ai đỡ đầu ai, và không ai chịu trách nhiệm về hành động của người khác. Chúng tôi đặc cử dân biểu đơn vị Biên Hòa với tư thế độc lập vào tháng 10-1967, cùng lúc với sự đặc cử nhiệm kỳ đầu của cựu T.T. Nguyễn Văn Thiệu và cựu Phó T.T. Nguyễn Cao Kỳ. Khi đó ông Nguyễn Văn Ngân chưa giữ chức vụ phụ tá. Ô. Ngân chỉ đảm nhiệm chức vụ này vào cuối nhiệm kỳ dân biểu khóa 1, sau khi ông Phụ tá Nguyễn Cao Thắng từ trần và chúng tôi chỉ quen biết ông Ngân từ đó.

3. Việc buộc một số dân biểu thân chính thuộc pháp nhiệm 2 ký trước đơn từ chức không đề ngày, theo chỗ chúng tôi biết, chỉ là một biện

pháp kỷ luật phòng hờ áp dụng cho một thiểu số có lập trường không vững chắc giống như nhiều chánh đảng tại các quốc gia dân chủ khác thường làm để đổi sự ủng hộ của đảng liên hệ. Thực tế, không phải tất cả các dân biểu thân chính đều phải ký trước đơn từ chức. Cũng không có dân biểu nào bị buộc từ chức trong suốt hai nhiệm kỳ Quốc hội của đệ nhị Cộng hòa.

Các dân biểu, nghị sĩ thân chính thuộc phe đa số dĩ nhiên ủng hộ chính quyền trong đường lối chính sách được thỏa thuận chung. Ngoài ra, họ vẫn có toàn quyền của đại diện nhân dân trong việc biểu quyết ngân sách quốc gia, cứu xét việc bổ nhiệm các đại sứ, kiểm soát các cơ quan công quyền, chất vấn và khuyến nghị tổng thống, thủ tướng và chính phủ về mọi vấn đề liên quan tới sinh hoạt quốc gia. Chúng ta đều nhìn nhận rằng chế độ VNCH không thể coi là một chế độ dân chủ trưởng thành và gương mẫu như các chế độ dân chủ Tây Âu, nhất là khi chúng ta ở trong thời chiến với thù trong giặc ngoài. Nhưng gọi người thân chính là gia nô là dùng lời nhục mạ của phe thiểu số đối lập và của kẻ thù để hạ giá toàn thể chế độ VNCH. Có ai gọi các dân biểu của đảng RPR hay đảng Xã Hội Pháp là gia nô khi họ biểu quyết 100% theo lệnh đảng của họ?

Còn những vấn đề khác do Quý Báo nêu lên không liên quan tới chúng tôi, chúng tôi xin phép được miễn đề cập.

Chúng tôi hy vọng Thông Luận, một tờ báo đứng đắn và giá trị nên tiếp tục cổ vũ sự "Đồng Thuận Dân Tộc" thay vì khai thác những chuyện nửa hư nửa thực đã thuộc về quá khứ, không có lợi ích gì cho nỗ lực đoàn kết của những người Việt Nam chống cộng.

Kính chào ông chủ nhiệm và cầu chúc Thông Luận mạnh tiến."

LTS. Ông Phạm Hữu Giáo không cải chính điều gì Thông Luận đã nêu ra, mà chỉ biện luận trên một số vấn đề.

Khi viết là ông Giáo được nâng lên địa vị quan trọng trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa nhờ sự đỡ đầu của ông Ngân, chúng tôi đã biết trước là ông Giáo sẽ không đồng ý, và chúng tôi xin để ông Giáo phát biểu.

Chúng tôi đã dùng lại từ ngữ "gia nô" rất thịnh hành trước năm 1975, và theo ý chúng tôi, không có gì là quá đáng để chỉ các dân biểu đã "kỵ trước đơn từ chức không đề ngày". Chúng tôi hoàn toàn không chia xẻ quan điểm của ông Giáo cho rằng các dân biểu này có toàn quyền biểu quyết. Xin lấy một địa hạt mà chính ông Giáo nêu ra là ngân sách quốc gia. Trong ngân sách cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, mặc dầu những phản đối quyết liệt của đối lập

THỜI SỰ...TÌNH TỨC...THỜI SỰ

cũng như của nhiều chuyên viên, các dân biểu này đã biểu quyết cho bộ Dân Vận và Chiêu Hồi của ông Hoàng Đức Nhã một ngân sách gấp 16 lần ngân sách bộ Kinh Tế giữa một hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Trong cuộc chiến đấu vì tự do đã có rất nhiều người hy sinh tính mạng, miền Nam không thiếu gì những người có quyết tâm và thiện chí, tại sao lại phải dùng đến những người mà lập trường đáng ngờ vực đến nỗi phải bắt kỳ hạch khổ để phòng hậu họa?

~~~~~

## Hội "Viet Nam Fraternité" và hội "Fraternité Viet Nam"

Cuối tháng 9-88, báo chí cũng như đài phát thanh trong nước đã loan tin về một công trình do hội "Huynh đệ Việt Nam" đỡ đầu. Tờ Quân Đội Nhân Dân đề ngày 22-9-88, trong bản tin "Xi-lô Trà Nóc đã đi vào hoạt động", cho biết ngày 16-9-88, "hệ thống xử lý, bảo quản thóc giống và lương thực bằng máy móc hiện đại tại Trà Nóc (Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang) đã được bàn giao đợt 1. Công trình này do tổ chức "Huynh đệ Việt Nam" tại Pa-ri đề xướng và kêu gọi các tổ chức từ thiện không chính phủ trên thế giới cùng giúp đỡ kinh phí đầu tư 4,5 triệu đô-la và phía Việt Nam đầu tư gần 90 triệu đồng". Bản tin bằng tiếng Anh của đài Hà Nội nghe được tại ngoại quốc cũng nói đến hội "Viet Nam Fraternité".

Thông Luận đã được một số độc giả đặt câu hỏi về liên hệ giữa hội "Association Viet Nam Fraternité" chủ trương Thông Luận và hội "Huynh đệ Việt Nam" nói trên. Thông Luận xin trả lời là không có liên hệ gì cả, ngoại trừ tên hội gần giống nhau. Hội "Association Viet Nam Fraternité" do những người chủ trương nguyệt san Thông Luận lập ra cuối năm 1987 theo quy chế "luật 1901" của Pháp để làm cơ sở pháp lý cho tờ báo. Cho đến nay, hội chỉ sinh hoạt nội bộ và phát hành nguyệt san Thông Luận. Theo thiện ý chúng tôi, hội "Huynh đệ Việt Nam" được nhắc đến trong bài báo trên là hội "Association Fraternité Viet Nam" do linh mục Nguyễn Đình Thi lập ra từ trước năm 1975.

~~~~~

Đảng cộng sản chao đảo và phân hoá trầm trọng

Những bí mật của hội nghị trung ương đảng lần thứ năm vào tháng 6/88 đang dần dần được bật mí. Người ta được biết là trong dịp này các cấp lãnh đạo đảng đã duyệt qua toàn bộ tình hình.

Đảng CSVN hiện có hai triệu đảng viên, gần

một triệu đảng viên được kết nạp sau 1975, cũng từ 1975 đã có 300 ngàn người bị khai trừ. Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã bị mất nhiều uy tín trong hội nghị này, tay em của Linh là Võ Văn Kiệt đã bị loại khỏi chức Thủ tướng. Ông Linh đã phát biểu rằng một số đồng cán bộ đảng viên đã bị mất phẩm chất.

Hai cuộc điều tra riêng biệt đã được trình bày trước hội nghị. Theo một cuộc điều tra trên 6700 đảng viên, 42% đảng viên bị coi là vô hiệu lực vì già yếu, đói ăn hoặc không có học thức, 16% bị coi là lưu manh gian ác cần phải trừng trị, 38% được coi là khá. Một cuộc điều tra khác thực hiện trên 4600 đảng viên cho thấy có 26% đảng viên buồn bán chợ đen.

Ông Linh cũng tuyên bố rằng mối nguy to lớn nhất của đảng CSVN là sự "chia rẽ trầm trọng và kéo dài". Ông Linh tỏ ra thất vọng và mệt mỏi, ngày 15 /7/88 ông sang Liên Xô chữa bệnh và từ đó không thấy ông làm gì nữa. Báo chí của chính quyền cộng sản cũng rất ít nói tới ông.

Trong bài diễn văn đọc nhân ngày kỷ niệm quốc khánh và cách mạng tháng 8, ông Trần Tấn, chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội cho biết quá trình đổi mới đảng rất phức tạp vì rất mâu thuẫn.

Trong bài xã luận số đặc biệt kỷ niệm cách mạng tháng tám, tờ Quân Đội Nhân Dân nhắc lại đúc kết của hội nghị trung ương đảng lần thứ năm cho rằng nhân dân mất tin tưởng ở đảng do sai lầm về chủ trương, chính sách và chỉ đạo, nhưng lại gợi ý là nên nói ít đi một chút và làm nhiều hơn một chút để lời nói đi đôi với việc làm. Bài báo nêu tình trạng cơ sở không chấp hành mệnh lệnh trung ương và nói "thà làm ít mà tốt còn hơn", nhưng làm gì thì bài báo không nói tới và cũng không cấp lãnh đạo nào biết cả. Hiện nay không ai, kể cả đảng viên cấp cao, biết ai đang nắm thực quyền trong đảng và đảng đang định làm gì.

~~~~~

## Một cách kiếm ngoại tệ mới

Cơ chế ngoại tệ đã khiến chính quyền cộng sản đề ra một luật quan thuế mới: kể từ ngày 20/9/88 du khách và việt kiều hải ngoại có quyền đem vàng không giới hạn vào Việt Nam và sử dụng tùy ý với điều kiện là phải đóng một khoản thuế gọi là đảm phụ công ích. Khoản thuế này là 1 bảng anh, hay 1,6 đô la mỹ hay 10,6 quan pháp cho mỗi gram vàng. Báo Nhân Dân số ra ngày 27/9/88 cho hay trong hai chuyến phi cơ hạ cánh sau đó đã có 204 lượng vàng được khai báo, đem lại cho nhà nước cộng sản khoảng 12 ngàn đô la Mỹ.



## Thư Độc Giả

### Góp ý.

(...) Rất hoan nghênh đường lối quý báo chỉ trích nghiêm chỉnh những sai lầm tệ hại trong việc "đăng" quản lý kinh tế Việt Nam hiện nay.

Thật là đau lòng khi nhìn thấy tại những nước nhỏ như Nam Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba, kể cả Thái Lan, Mã Lai, v...v... ngày xưa không phủ cường chi hơn Việt Nam, mà nay mức sống dân chúng họ đối với sự cùng cực của đại đa số dân Việt Nam như một trời một vực.

Chúng ta ở bên ngoài nhìn vào tình hình Việt Nam thấy tất cả sự bối rối của nhà cầm quyền cộng sản hiện nay - điều khiển guồng máy kinh tế bằng cách "gấp đầu đánh đó", vì không có đường lối chỉ đạo rõ rệt chắc chắn. Hình như tất cả sáng kiến của họ đều dồn vào việc tìm kiếm ngoại tệ bằng mọi cách, để cung ứng những nhu cầu khẩn trương cấp thời mà thôi.

Rất hoan nghênh bài "Phát minh lại môn kinh tế học" của Lê Văn Đảng (số 4). Nhưng tôi lại nghĩ thêm rằng nhân lực Việt Nam hiện nay là tài nguyên duy nhất. Nếu dinh dưỡng được đầy đủ thì vẫn có thể lôi kéo được tư bản ngoại quốc đến đầu tư vào Việt Nam (lẽ dĩ nhiên phải có những điều kiện kinh tế và chính trị thỏa đáng mà Lê Văn Đảng đã đề cập đến). Vì rằng như tác giả này đã nói: cuộc chuyển hóa vĩ đại hiện nay của thế giới là đi vào tự động hóa, có cơ tiến đến toàn diện. Tôi nghĩ rằng bước đầu sẽ là tự động hóa toàn diện từng khu vực sản xuất nào mà thôi. Trong nhiều năm, sẽ còn nhiều kỹ nghệ cần đến một số đông đảo nhân công. Những nước đang chú tâm lo tự động hóa cũng là những nước mà nhân công với những đòi hỏi mới, sẽ gấp rút trở thành đắt đỏ. Việt Nam đã "lỡ chuyến tàu" những năm 60, đầu 70, mà các nước tân kỹ nghệ hóa nói trên đã bắt được. Nay có lẽ đây là cơ hội mới, phải làm những gì để đừng lỡ chuyến tàu thứ hai. Nhiều kỹ nghệ ở các nước tư bản đang còn cần

phải chuyển về những vùng cung cấp thành phần nhân công rẻ. Việt Nam khôn khéo ra vẫn có thể lãnh phần sản xuất bằng lối "thầu lại" (sous-traitance) với sự nâng đỡ của các công ty đa tịch, miễn là việc đầu tư của họ có đủ bảo đảm chắc chắn.

Vấn đề lớn là tại Việt Nam hiện nay không có chuyên viên xuất sắc. Những ai có ít nhiều thực học đã bỏ ra đi rồi. Nay CS quản lý nhà nước bằng những giáo điều bưng bít. Có lẽ Thông Luận phải đề cập đến những bài học quản lý tư bản và nhân lực, kinh nghiệm tại các nước "tân kỹ nghệ" hóa nói trên. Lẽ nào nhà cầm quyền Việt Nam không nhìn thấy các gương sáng ấy, và không nhìn thấy nhân dân dưới quyền họ đang sống đói khổ rách rưới. Hiện nay họ có gửi một phái đoàn lực sĩ đi tham dự thế vận hội ở Séoul đấy.

Nếu trong bọn họ còn có những người thực tâm lo cho tương lai đất nước thì họ đã thấy, nhưng không có đường lối để thoát ra ngoài những giáo điều Mác-Lê, mà ngay chính đàn anh vĩ đại của họ ở Mạc-Tư-Khoa và Bắc Kinh đã nhìn thấy những sai lầm (tôi xin không đề cập đến những người trong đảng và nhà nước không có lo nghĩ gì khác là lo củng cố quyền bính để khư khư giữ lấy địa vị và những lợi lộc khác).

Với những người trên, xin Thông Luận khai sáng cho họ, trong khi những cố gắng khác nhằm đánh ngã chính thể độc tài CSVN. Phát triển kinh tế Việt Nam là một vấn đề cấp bách - lẽ dĩ nhiên đi liền với những cải cách về chính trị - nhưng không thể trì hoãn được. Không khéo thì Việt Nam sẽ bị bỏ rơi không tìm được một thể đứng nào trong vùng thịnh vượng ở Thái Bình Dương mai này.

Xin kính chúc quý báo trường thọ.

(Bà N.L. Abadie, Meudon, Pháp)

### ⇒ Thời sự... Tin tức... Thời sự... Tin tức...

## Hết còn giáo dục miễn phí tại Sài Gòn

Bối rối trước tình trạng quá nhiều giáo chức tự ý bỏ việc vì lương bổng quá thấp, Ủy Ban Nhân Dân (tức bộ máy chính quyền) thành phố Hồ Chí Minh kể từ tháng 9 /88 đã cam kết bảo đảm cho mỗi giáo viên 40 ký gạo mỗi tháng. Để tìm ra số gạo này, một sáng kiến mới đã được đem thi

hành: các học sinh từ nay phải nộp học phí, học sinh nhà trẻ, mẫu giáo và cấp 1 phải đóng một ký lô rưỡi gạo mỗi tháng, cấp 2 hai ký, cấp 3 ba ký. Việc bắt đóng học phí này được mệnh danh là đóng góp vào quỹ bảo trợ học đường. Lấy trường hợp điển hình của cấp 2, trung bình cứ 60 học sinh thì có một giáo viên, chính quyền thành phố thu vào 120 ký gạo và phát cho giáo viên 40 ký, ăn lời 80 ký. Lại thêm một biện pháp vơ vét nữa, và lần này đối tượng là trẻ em.



## Sở Tay

### On Cổ Tri Tân

"Từ ngày chia tay kẻ Nam người Bắc, quả nhân ngày đêm chờ đợi, mong ước như đói thêm cơm, khát thêm nước. Tháng sáu năm ngoái, đến ngày hẹn mà biệt vô âm tín, nổi sốt ruột, lòng buồn phiền của quả nhân lên đến mức độ không sao chịu được nữa. Quả nhân tưởng như thế là mất hết rồi.

Không ngờ ngày 30 tháng tám năm nay, tiếp được thư của thượng sư do Qui Ngọc Hầu đem về và kể thêm sự tình, mới hay là nền tảng của trời phú cho nhà Nguyễn vẫn còn và ngài thượng sư với toàn tâm, toàn lực của mình sẽ đem lại cho nhà Nguyễn một triều đại vinh cửu, quang vinh như chín đỉnh nghìn xưa. Thượng sư thật là một người tận thiện, tận mỹ, sáng đẹp như một khối ngọc bích thập toàn. Cái ơn cao dày ấy được khắc vào tận ngũ tạng của chúng tôi cho đến khi già rụng hết cả răng cũng không sao quên được (...)"

(Trích thư của Nguyễn Phúc Anh gửi Bá Đa Lộc ngày 4/11/1786 do Phạm Khắc Hòe dịch)

Nguyễn Anh đã dùng những lời lẽ như trên để cầu viện Pháp và không biết trước đó - sau khi ăn nhờ ở đậu xứ Xiêm La - đã phải dùng những lời lẽ như thế nào, để vua Xiêm đem quân dẹp "giặc Tây Sơn".

Tuy nhiên, hạ mình như thế cũng không đưa đến hậu quả cụ thể nhanh chóng nào.

Năm 1785, hai vạn quân Xiêm La bị Nguyễn Huệ tiêu diệt toàn bộ ở trận Rạch Gầm và Xoài Mút (phía trên Mỹ Tho).

Mặc dầu Bá Đa Lộc đã hết lòng tường trình lên vua Louis XVI về sự giàu có, nhiều bảo vật ở xứ Đàng Trong, lợi lộc của cuộc chiến cho nước Pháp, mặc dầu Bá Đa Lộc đã thay thế Nguyễn Anh ký hiệp ước Versailles ngày 28/11/1787 theo đó, Pháp nhận giúp Nguyễn Anh chiến thuyền, khí giới và binh lính, và bù lại sau khi diệt được Tây Sơn, nhà Nguyễn sẽ nhường cho Pháp hải cảng Tourane, các đảo Côn Lôn, Phú Quốc, và cho người Pháp độc quyền buôn bán trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nhưng chính phủ Pháp cũng lưỡng lự, muốn xét lại tình hình, tài năng, số bộ hạ của Nguyễn Anh, để xem sau này Nguyễn Anh lấy gì mà báo ơn nước Pháp. Chính phủ Pháp giao cho De Conway, tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Ấn Độ Dương toàn quyền định đoạt hành động. Chưa tin tưởng vào tài năng của Nguyễn Anh và bất bình với Bá Đa Lộc, De Conway không chịu động binh. Khi ấy Nguyễn Anh đã chiếm lại được Gia Định.

Bá Đa Lộc phải tự lo liệu và giúp Nguyễn Anh

theo khả năng riêng của mình, thâu thập thêm vốn của một số thương gia Pháp tại Ấn Độ đang nhăm nhe đầu tư vào mảnh đất Đàng Trong, để mua súng đạn, chiêu binh, mộ tướng cho Nguyễn Anh.

Những sử gia miền Bắc hiện nay có khuynh hướng buộc tội nhà Nguyễn bán nước cho Tây, và những bức thư của Nguyễn Phúc Anh viết cho Bá Đa Lộc và các tướng tá Pháp, được coi là những văn tự bán nước.

Khi lên cầm quyền, dường như người ta thấy rất rõ những việc làm "tội lỗi" của chính quyền trước mà không thấy phẩm chất của việc mình làm.

Hồ Chí Minh mà ngày nay UNESCO muốn tôn vinh lên làm vĩ nhân, đối với nhà cầm quyền trong nước, sự nghiệp cũng vĩ đại lắm. Nhưng nếu một ngày nào đó mà các văn thư liên lạc của Hồ chủ tịch và các vị lãnh đạo Liên Xô không còn là một bí mật, người Việt chắc sẽ khám phá ra bao nhiêu điệp khúc tương tự "cái ơn cao dày ấy, giúp chúng tôi lật ngụy nhào, được khắc vào tận ngũ tạng của chúng tôi cho đến khi già rụng hết cả răng cũng không sao quên được".

Trong khi chờ đợi, người Việt Nam đã được thưởng thức lá thư ngày 14/9/1958 của Phạm Văn Đồng nhìn nhận chủ quyền Trung Quốc trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Phẩm cách những con người dựa vào sức mạnh ngoại bang để mưu cầu quyền lực xưa nay không hề thay đổi.

Thụy Khuê

## THÔNG LUẬN Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

THÔNG LUẬN, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo cho một năm 11 số: Âu Châu 100 FF

Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc

Báo chí phân phối theo đường bưu điện

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIỆT NAM FRATERNITE

(xin đừng đề Thông Luận)

Quý vị ở ngoài nước Pháp xin dùng chi phiếu cá nhân (personal check) và ghi trực tiếp tiền bản xứ (\$Mỹ,...) là tiện nhất cho chúng tôi, còn money order thì chúng tôi phải trả huê hồng nặng.

### Thông luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó